

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-ST

Ngày 06 - 4 - 2021

V/v tranh chấp hui và hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Phong.
2. Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Trong các ngày 22 tháng 3 và ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 479/2020/TLST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị V, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Bà Trương Thị H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt ngày 22/3/2021; vắng mặt ngày 06/4/2021).

+ Ông Võ Minh H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Kim C, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Bà Võ Thị M, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu vực B, xã Thới L, quận O, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lâm Thị V trình bày:

Trước đây ông H, bà H có tham gia chơi 07 chung hụi (03 dây) của bà và sau khi hốt hụi sống thì ông H, bà H không đóng đủ hụi chết cho bà cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất mở ngày 30/02/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, có 30 chung, ông H, bà H tham gia 02 chung, dây hụi này đã mãn. Khi tham gia ông H, bà H đóng được vài lần hụi sống thì bỏ hốt hết 02 chung, sau khi hốt thì ông H, bà H không đóng đủ hụi chết và thiếu lại 07 đợt x 1.000.000 đồng x 02 chung = 14.000.000 đồng.

- Dây thứ hai mở ngày 15/11/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, có 32 chung, ông H, bà H tham gia 02 chung, dây hụi này đã mãn. Khi tham gia ông H, bà H đóng được vài lần hụi sống thì bỏ hốt hết 02 chung, sau khi hốt thì ông H, bà H không đóng đủ hụi chết và thiếu lại 19 đợt x 1.000.000 đồng x 02 chung = 38.000.000 đồng.

- Dây thứ ba mở ngày 15/6/2018 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, một tháng khai 02 lần, có 44 chung, ông H, bà H tham gia 03 chung, dây hụi này đã mãn. Khi tham gia ông H, bà H đóng được vài lần hụi sống thì bỏ hốt hết 03 chung, sau khi hốt 03 chung hụi ở dây này thì ông H, bà H không đóng đủ hụi chết và thiếu lại 31 đợt x 500.000 đồng x 03 chung = 46.500.000 đồng.

Ngoài ra bà còn cho ông H, bà H mượn một chung hụi để hốt có chi tiết như sau: dây hụi mở ngày 30/02/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm có 30 chung, bà tham gia 01 chung và cho ông H, bà H mượn để hốt, dây hụi này đã mãn. Khi tham gia được 16 đợt thì ông H, bà H mượn và hốt được 26.640.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì ông H, bà H không trả lại tiền bà đã đóng 16 đợt trước đó cũng như không đóng hụi chết lại cho bà và thiếu lại 29.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông H, bà H còn nợ bà là 127.500.000 đồng. Sau đó ông H, bà H có trả được 34.000.000 đồng, còn lại 93.500.000 đồng.

Ngoài ra ông H, bà H còn nhờ bà vay dùm số tiền 25.000.000 đồng lãi suất là 750.000đ/tháng. Ngày 30/02/2019 âm lịch bà vay của bà Lê Kim C 5.000.000 đồng; ngày 20/11/2019 và ngày 07/12/2019 âm lịch bà vay của bà Nguyễn Hồng T 20.000.000 đồng (mỗi lần vay 10.000.000 đồng). Sau khi vay ông H, bà H có đưa 300.000 đồng để trả lãi, còn lại bà đã thanh toán lãi thay cho ông H, bà H số tiền là 7.800.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông H, bà H trả tổng số tiền là 126.000.000 đồng trong đó số tiền nợ hụi là 93.500.000 đồng, tiền vay dùm gốc và lãi là 32.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu tiền nợ hụi 93.500.000 đồng, tiền lãi của số tiền vay dùm mà bà đã thanh toán

thay đến ngày xét xử (ngày 22/3/2021) là 10.000.000 đồng, bà không yêu cầu trả số tiền nợ vay gốc là 25.000.000 đồng do đã tính số tiền này vào tiền nợ hui.

Đối với số nợ vay của bà T, do bà T có nhu cầu cất nhà nên bà đã vay tiền của bà Võ Thị M để thanh toán lại cho bà T, nên hiện không còn nợ bà T. Đối với số tiền bà vay của bà Võ Thị M 20.000.000 đồng (trả cho bà T); bà Lê Kim C 5.000.000 đồng thì bà V sẽ có trách nhiệm thanh toán cho bà C và bà M theo thỏa thuận, không còn liên quan đến vợ chồng ông H, bà H.

Tại phiên tòa, bà V xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Bà giữ nguyên yêu cầu về số tiền nợ hui là 93.500.000 đồng; tiền lãi đã đóng thay cho ông H, bà H là 6.000.000 đồng. Sau khi xét xử ngày 22/3/2021, phía bị đơn có thanh toán 2.000.000 đồng tiền lãi bà đã đóng thay nên bà đối trừ, do đó bà yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 97.500.000 đồng, trong đó nợ hui 93.500.000 đồng, tiền lãi vay đã đóng thay là 4.000.000 đồng.

Bị đơn ông Võ Minh H trình bày:

Ông thừa nhận có tham gia hui do bà V làm chủ hui, thời gian tham gia, loại hui, số chân hui trong các dây hui và hui đã mất đúng như bà V trình bày, quá trình tham gia hui vợ chồng ông đã hết và cũng còn thiếu hui chết chưa đóng đủ cho bà V nhưng ông không xác định được bao nhiêu tiền vì vợ ông là người chốt hui với bà V. Đối với tiền bà V vay dùm, ông có nghe nói nhưng vợ ông là người trực tiếp thỏa thuận nên ông không nắm rõ.

Nay bà V yêu cầu trả nợ, ông đồng ý trả nhưng số tiền nợ cần xác định lại theo đúng như bà V với vợ ông là bà H đã chốt. Bà H thống nhất với bà V bao nhiêu thì ông đồng ý thanh toán.

Bị đơn bà Trương Thị H trình bày :

Bà thừa nhận vợ chồng bà có tham gia hui do bà V làm chủ hui, thời gian tham gia, loại hui, số chân hui trong các dây hui, hui mượn và hui đã mất đúng như bà V trình bày, quá trình tham gia, vợ chồng bà đã hết hui và còn thiếu tiền hui chết chưa đóng là 93.500.000 đồng và bà đồng ý trả số tiền này. Đối với tiền vay dùm bà thống nhất với lời trình bày của bà V và bà đồng ý trả số tiền lãi mà bà V đã thanh toán thay là 6.000.000 đồng theo yêu cầu của bà V. Tổng số tiền bà đồng ý thanh toán cho bà V là: 99.500.000 đồng. Tuy nhiên do điều kiện gia đình khó khăn, bà yêu cầu mỗi tháng trả cho bà V 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim C trình bày:

Ngày 30/02/2019 âm lịch bà có cho bà V vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 150.000 đồng/tháng, không có làm giấy tờ. Khi vay bà V có nói vay để lấp hui cho vợ chồng ông H, bà H, hàng tháng bà V đều đóng lãi đầy đủ cho bà.

Bà với bà V thỏa thuận bà V chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vay gốc và lãi theo thỏa thuận, ông H, bà H không có liên quan gì đến số nợ này. Đồng thời bà và bà V sẽ tự thỏa thuận, không có yêu cầu gì trong vụ án, bà yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt cho đến khi vụ án kết thúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng T trình bày:

Ngày 20/11/2019 âm lịch bà có cho bà V vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 07/12/2019 âm lịch và Vui có vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất 300.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng. Khi vay bà V có nói vay dùm cho vợ chồng bà H để vợ chồng bà H đóng tiền hụi chết còn thiếu bà V và vợ chồng bà H sẽ đóng lãi. Tuy nhiên bà với bà V thỏa thuận bà V là người đứng tên vay tiền và có trách nhiệm thanh toán cho bà. Đến ngày 22/3/2021 do bà cần tiền cất nhà nên bà V đã trả cho bà 20.000.000 đồng, tiền lãi cũng thanh toán đủ hàng tháng, do bà V không còn nợ bà nên bà không còn liên quan gì đến vụ án này, bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt bà đến khi vụ án kết thúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M trình bày:

Ngày 22/3/2021 bà V có hỏi mượn bà số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, khi mượn bà V có nói là để trả tiền nợ cho bà T, hiện nay chưa đến hạn thanh toán nên bà V chưa trả tiền cho bà, số tiền này bà với bà V sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời bà đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt bà đến khi vụ án kết thúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông H, bà H, bà C, bà M, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi và tiền lãi từ số tiền vay dùm mà nguyên đơn đã thanh toán thay cho bị đơn nên xác định đây là tranh chấp hụi và hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi là 93.500.000 đồng; đối với số tiền lãi mà nguyên đơn đã thanh toán thay cho bị đơn thì nguyên đơn yêu cầu trả 4.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền gốc đã vay dùm là 25.000.000 đồng vì đã tính số tiền này vào tiền nợ hụi, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu trả số tiền nợ hụi là 93.500.000 đồng, xét thấy: Tại phiên tòa, bà H thừa nhận vợ chồng bà có tham gia chơi hụi do bà V là chủ hụi, quá trình chơi hụi, hốt hụi, mượn hụi và hụi đã mãn đúng như nguyên đơn trình bày, hiện nay vợ chồng bà H còn thiếu tiền hụi chết là 93.500.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền này cho nguyên đơn. Lời thừa nhận của bà H phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn, phù hợp với các danh sách hụi ngày 15/6/2018 âm lịch, ngày 15/11/2017 âm lịch, 30/02/2017 âm lịch, các xác nhận của Võ Hoàng D (K), Võ Hoàng L, Nguyễn Văn C, Phạm Công D, Trần Ngọc H, đối với bị đơn ông Võ Minh H xác định bà H đồng ý trả bao nhiêu thì ông thống nhất theo ý

kiến của bà H. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, buộc ông H và bà H trả cho bà V số tiền nợ hui là 93.500.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà H được thanh toán mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi trả hết nợ, thấy rằng quá trình tham gia hui, bị đơn đã hốt hui nhưng không đóng đủ hui chết cho nguyên đơn và thừa nhận hiện còn thiếu 93.500.000 đồng, đồng thời đến thời điểm xét xử vụ án các dây hui trên đều đã mất nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ số tiền hui chết còn thiếu là phù hợp, tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý với đề nghị trả mỗi tháng 2.000.000 đồng của bị đơn, do đó không chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[4.2] Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi đã thanh toán thay là 4.000.000 đồng, xét thấy: Tại phiên tòa ngày 22/3/2021, các đương sự thống nhất số tiền lãi bị đơn phải trả là 6.000.000 đồng (trên số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng), số tiền thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đồng thời bà V xác định sau khi xét xử ngày 22/3/2021 bị đơn có thanh toán thêm 2.000.000 đồng nên bà thống nhất đối trừ, việc đối trừ là có lợi cho bị đơn và phía bị đơn cũng không có ý kiến gì vấn đề này nên được chấp nhận, do đó buộc ông H và bà H trả cho bà V số tiền nợ lãi mà bà V đã thanh toán thay là 4.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền là: 97.500.000 đồng, trong đó tiền hui là 93.500.000 đồng và tiền lãi đã thanh toán thay là 4.000.000 đồng.

[5] Đối với số tiền vay là 25.000.000 đồng mà bà V vay của bà C và bà M, bà V xác định sẽ tự thanh toán gốc và lãi cho bà M và bà C theo thỏa thuận, ông H, bà H không còn liên quan gì đối với số nợ này. Đối với bà M, bà C thống nhất bà V có trách nhiệm trả số tiền vay theo thỏa thuận, không yêu cầu ông H, bà H trả nợ đồng thời các đương sự sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp giữa bà V, bà C và bà M đối với số tiền 25.000.000 đồng thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác. Đối với số tiền vay của bà Nguyễn Hồng T, do bà V đã thanh toán xong nên không đặt xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H, bà H phải chịu là: 4.875.000 đồng (97.500.000 đồng x 5%).

Bà Lâm Thị V được miễn dự nộp án phí do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 468, 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị V. Buộc ông Võ Minh H và bà Trương Thị H trả cho bà V tổng số tiền là: 97.500.000 đồng (chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà H chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng ông H, bà H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị V được miễn án phí do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

Ông Võ Minh H và bà Trương Thị H phải chịu 4.875.000 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm